

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 264/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quới

2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1995.

Trú tại: Tổ 4, thôn V, xã BT, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Lê Thương H, sinh năm: 1996.

Trú tại: Tổ 2, thôn N, xã BC, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị N có mặt; bị đơn anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Chị và Anh Lê Thương H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chung thủy, ngoại tình với người đàn bà khác mặc dù chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H không nhận thấy lỗi lầm mà còn thường xuyên đánh đập chị N. Từ tháng 3/2021 chị N đã đưa con về gia đình cha mẹ ruột của mình sống cho đến nay. Nay chị N nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với Anh Lê Thương H.

- Về con chung: Chị N khai trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày: 13/12/2019

Chị N có nguyện vọng nếu ly hôn chị xin nhận nuôi cháu H. Trước đây chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đồng. Tại phiên Tòa hôm nay chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị N khai để vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn: Chị N khai không có.

* Bị đơn Anh Lê Thương H không đến Tòa án nên không có bản tự khai và không hòa giải được. Anh H vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt không đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng và chấp nhận yêu cầu của chị N, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Anh Lê Thương H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Anh Lê Thương H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc mở lại phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã BC, huyện T nơi bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Thu N và Anh Lê Thương H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019, do Ủy ban nhân dân xã BC, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 09/10/2019 nên xác định chị N và anh H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ngoại tình nên từ đó anh H thường xuyên gây gỗ, đánh đập chị N. Nay chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh H không đến Tòa án để có điều kiện hòa giải cho vợ chồng anh chị về chung sống với nhau làm ăn, nuôi con. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Thu N xin được ly hôn với Anh Lê Thương H.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị N và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh H có 01 con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày: 13/12/2019.

Nguyên vọng của chị N được trực tiếp nuôi cháu H. Theo chị N từ tháng 03/2021 chị đã đưa cháu H về sống với chị bên gia đình nhà chị N. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và điều kiện sống hiện tại của cháu H nên chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày: 13/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với tình hình thực tế, đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005740 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu N. Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với Anh Lê Thương H.

2. Về con chung, trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng Chị Nguyễn Thị Thu N và Anh Lê Thương H có 01 con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày: 13/12/2019. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu N, giao cháu Lê Thị Thu H cho Chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005740 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đặt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã BC;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành